



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 2 - 3 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 4 - 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 7 - 8 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 9 - 26 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------|------------|
| Ông Đỗ Hữu Hạ | Chủ tịch |
| Bà Mai Trang | Thành viên |
| Ông Đỗ Hữu Hậu | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Hà | Thành viên |
| Ông Đỗ Hữu Hưng | Thành viên |

Ban Giám đốc

| | |
|----------------------|--------------|
| Ông Vũ Văn Cảnh | Giám đốc |
| Ông Hoàng Thanh Tùng | Phó giám đốc |
| Ông Phạm Văn Mạn | Phó giám đốc |
| Ông Nguyễn Trung Độ | Phó giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

Số: 125 /VACOHP/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28/02/2014, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 07, khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt tại ngày 31/12/2013 với số tiền 145.835.447.934 đồng đã được các cổ đông lớn của Công ty cam kết chịu trách nhiệm trong việc thu hồi khoản phải thu này bằng tài sản cá nhân.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty áp dụng miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



CHI NHÁNH
CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN
VACO
TẠI HẢI PHÒNG
Đ. D. LƯƠNG BÀNG T. P. HẢI PHÒNG
M.S.C.N: 0102546856 - 001 - 01111111

Nguyễn Hồng Hiền
Giám đốc Chi nhánh
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1117-2013-156-1
Thay mặt và đại diện cho
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
TẠI HẢI PHÒNG**
Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2014



Đỗ Bình Dương
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1953-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150) | 100 | | 481.772.633.791 | 251.817.624.194 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 177.402.247.656 | 40.939.228.027 |
| 1. Tiền | 111 | | 177.402.247.656 | 11.939.228.027 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 29.000.000.000 |
| II. Phải thu ngắn hạn | 130 | | 174.304.167.251 | 118.050.563.121 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 1.881.500.000 | 51.708.027.857 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | 6 | 23.900.434.297 | 12.714.550.954 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | 7 | 148.522.232.954 | 53.627.984.310 |
| III. Hàng tồn kho | 140 | 8 | 128.012.064.615 | 88.696.135.277 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 128.012.064.615 | 88.696.135.277 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 2.054.154.269 | 4.131.697.769 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 220.000.000 | - |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 888.491.407 | 2.125.028.324 |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 154 | | 945.662.862 | - |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | - | 2.006.669.445 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260) | 200 | | 197.715.404.093 | 263.428.718.793 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 3.473.526.784 | 2.517.384.825 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 9 | 3.473.526.784 | 2.517.384.825 |
| - Nguyên giá | 222 | | 4.757.229.525 | 3.309.363.530 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (1.283.702.741) | (791.978.705) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | - | 27.168.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | (27.168.000) |
| III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 193.427.347.386 | 260.824.447.934 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | 10 | 160.000.000.000 | - |
| 2. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 11 | 33.427.347.386 | 260.824.447.934 |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 814.529.923 | 86.886.034 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 814.529.923 | 86.886.034 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 679.488.037.884 | 515.246.342.987 |

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310) | 300 | | 182.322.218.755 | 145.064.326.605 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 182.322.218.755 | 145.064.326.605 |
| 1. Phải trả người bán | 312 | 12 | 116.076.838.550 | 77.671.080.073 |
| 2. Người mua trả tiền trước | 313 | | 8.259.554.610 | 10.031.054.610 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | | 63.466.457 | 234.858.640 |
| 4. Chi phí phải trả | 316 | | 982.000.000 | 1.120.000.000 |
| 5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 13 | 48.417.055.856 | 47.244.020.000 |
| 6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 8.523.303.282 | 8.763.313.282 |
| B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410) | 400 | | 497.165.819.129 | 370.182.016.382 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 14 | 497.165.819.129 | 370.182.016.382 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 382.499.480.000 | 224.999.810.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 14.270.000.000 | 14.336.000.000 |
| 3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 413 | | 3.494.600.000 | - |
| 4. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 5.183.151.000 | 5.183.151.000 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 91.718.588.129 | 125.663.055.382 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 679.488.037.884 | 515.246.342.987 |

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Ngoại tệ (USD)

31/12/2013

01/01/2013

462,39

500,25

Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu

Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | | |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | Năm 2013 | Năm 2012 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 16 | 498.949.737.897 | 462.979.754.975 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01) | 10 | | 498.949.737.897 | 462.979.754.975 |
| 3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 17 | 406.013.362.809 | 384.968.308.855 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 92.936.375.088 | 78.011.446.120 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 19 | 1.465.744.248 | 350.839.617 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | 20 | 3.839.380.120 | 1.276.641.780 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | - | 1.060.160.320 |
| 7. Chi phí bán hàng | 24 | | 4.706.443.627 | 4.049.522.103 |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 3.482.918.094 | 2.961.287.978 |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25)) | 30 | | 82.373.377.495 | 70.074.833.876 |
| 10. Thu nhập khác | 31 | | - | 15.000.002 |
| 11. Chi phí khác | 32 | | 2.000.000 | 194.547.411 |
| 12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32) | 40 | | (2.000.000) | (179.547.409) |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 82.371.377.495 | 69.895.286.467 |
| 14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 21 | 321.534.748 | 3.750.000 |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51) | 60 | | 82.049.842.747 | 69.891.536.467 |
| 16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 22 | 2.262 | 2.071 |

Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu

Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Số tiền | |
|--|-----------|-------------------------|-------------------------|
| | | Năm 2013 | Năm 2012 |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 82.371.377.495 | 69.895.286.467 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 535.011.118 | 451.688.611 |
| (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | 462.660.039 | (23.753.289) |
| (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (1.286.139.098) | (327.086.328) |
| Chi phí lãi vay | 06 | - | 1.060.160.320 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 82.082.909.554 | 71.056.295.781 |
| (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | 89.872.717.859 | (70.631.478.973) |
| (Tăng)/giảm hàng tồn kho | 10 | (39.315.929.338) | 50.274.257.899 |
| Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 3.548.178.268 | 58.752.412.528 |
| Thay đổi chi phí trả trước | 12 | (947.643.889) | 244.046.986 |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | - | (1.213.071.716) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (261.818.291) | (1.280.397.282) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 2.006.669.445 | 4.050.303.279 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (240.010.000) | (6.186.088.724) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 136.745.073.608 | 105.066.279.778 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (1.491.153.077) | (40.000.000) |
| 2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (160.000.000.000) | (52.460.000.000) |
| 3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 114.989.000.000 | 6.000.000.000 |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 1.286.139.098 | 327.086.328 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (45.216.013.979) | (46.172.913.672) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | 44.933.960.000 | - |
| 2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | - | 17.000.000.000 |
| 3. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | - | (39.519.554.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 44.933.960.000 | (22.519.554.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40) | 50 | 136.463.019.629 | 36.373.812.106 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 40.939.228.027 | 4.565.415.921 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60) | 70 | 177.402.247.656 | 40.939.228.027 |

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong năm 2013, Công ty thực hiện tăng vốn chủ sở hữu thông qua việc chia cổ tức năm 2012 bằng cổ phiếu nên trong năm không phát sinh khoản thu tiền từ việc phát hành cổ phiếu tăng vốn và không phát sinh khoản chi trả cổ tức cho chủ sở hữu với giá trị là 112.499.710.000 đồng.

Khoản góp vốn của Công ty vào Công ty TNHH Pruksa Việt Nam trị giá 33.427.347.386 đồng trong năm 2013 được thực hiện thông qua việc bàn giao các chi phí Công ty đã thực hiện cho Dự án nên không phát sinh việc chuyển tiền đầu tư vào Công ty TNHH Pruksa Việt Nam. Vì vậy, một khoản tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng/giảm các khoản phải thu.



Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần 1 ngày 30/05/2008, thay đổi lần 2 ngày 25/12/2008, thay đổi lần 3 ngày 07/05/2009, thay đổi lần 4 ngày 12/11/2010; thay đổi lần 5 ngày 28/03/2011; thay đổi lần thứ 6 ngày 10/07/2012; thay đổi lần thứ 7 ngày 13/09/2012; thay đổi lần thứ 8 ngày 22/07/2013.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 là: 382.499.675.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn tại ngày 31/12/2013 như sau:

| STT | Tên cá nhân/tổ chức | Số cổ phiếu (Cổ phiếu) | Giá trị vốn góp tại 31/12/2013 (VND) | Tỷ lệ (%) |
|-----|---------------------|---------------------------|--|---------------|
| 1 | Ông Đỗ Hữu Hạ | 18.225.000 | 182.250.000.000 | 47,65 |
| 2 | Ông Đỗ Hữu Hậu | 8.049.375 | 80.493.750.000 | 21,04 |
| 3 | Cổ đông khác | 11.975.573 | 119.755.730.000 | 31,31 |
| | Cộng | 38.249.948 | 382.499.480.000 | 100,00 |

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 20 người (tại ngày 01/01/2013 là 22 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (Tiếp theo)

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | <u>Số năm khấu hao</u> |
|---------------------|------------------------|
| Thiết bị văn phòng | 03 - 05 |
| Phương tiện vận tải | 06 - 10 |

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông. Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật”.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|--------------------------------|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 176.231.268 | 1.524.970.017 |
| Tiền gửi ngân hàng | 177.226.016.388 | 10.414.258.010 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | - | 29.000.000.000 |
| Cộng | 177.402.247.656 | 40.939.228.027 |

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng Thương mại cổ phần.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty CP Đầu tư DV tài chính Hoàng Huy (*) | 23.303.484.297 | 8.704.379.396 |
| Công ty Cổ phần TM và DV Đông Kinh | - | 2.945.348.758 |
| Các đối tượng khác | 596.950.000 | 1.064.822.800 |
| Cộng | 23.900.434.297 | 12.714.550.954 |

(*) Công ty ứng trước tiền hàng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy để mua thùng xe tải.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|--|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí của dự án nhà ở thu nhập thấp (*) | 2.686.785.020 | 53.543.006.041 |
| Khoản phải thu Công ty cổ phần Thương mại Hưng Việt (**) | 145.835.447.934 | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 84.978.269 |
| Cộng | 148.522.232.954 | 53.627.984.310 |

(*) Phản ánh các khoản Công ty đã chi liên quan đến dự án Khu nhà ở cho người có thu nhập thấp tại Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng trong Liên doanh với Công ty TNHH Prukca International (xem thuyết minh số 23 dưới đây).

Trong năm 2013, Công ty tiếp tục thực hiện việc đền bù giải phóng mặt bằng và đã phát hành hóa đơn tài chính để bàn giao chi phí thực hiện dự án cho Công ty TNHH Prukca Việt Nam với số tiền đã bao gồm thuế GTGT là 86.615.391.527 đồng (trong đó thuế GTGT là 5.162.461.288 đồng), do đó số dư khoản mục giảm tương ứng.

(**) Khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt với số tiền 145.835.447.934 đồng là một phần số tiền đã góp theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HTKD ngày 01/01/2012 với Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt. Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/NQĐHCD ngày 05/02/2013, đại hội đã thông qua định hướng dừng việc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, Công ty xin rút vốn từ hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên, chấp nhận không hưởng lãi để tập trung nguồn lực kinh doanh cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt được thành lập ngày 21/7/2006 và đang quản lý Dự án "Xây dựng và kinh doanh Trung tâm thương mại - Dịch vụ, nhà ở Golden - Land Building". Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt và Công ty cùng chịu sự kiểm soát của ông Đỗ Hữu Hạ là cổ đông lớn của hai Công ty.

8. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|---|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 53.115.983.834 | 18.574.949.860 |
| Hàng hoá | 13.294.936.125 | 3.287.775.543 |
| Hàng gửi đi bán | 61.601.144.656 | 66.833.409.874 |
| Cộng giá gốc hàng tồn kho | 128.012.064.615 | 88.696.135.277 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | - |
| Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho | 128.012.064.615 | 88.696.135.277 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | 3.031.972.727 | 277.390.803 | 3.309.363.530 |
| Mua trong năm | 1.492.940.000 | - | 1.492.940.000 |
| Giảm khác (*) | - | (45.074.005) | (45.074.005) |
| Tại ngày 31/12/2013 | 4.524.912.727 | 232.316.798 | 4.757.229.525 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | 630.280.608 | 161.698.097 | 791.978.705 |
| Khấu hao trong năm | 486.760.835 | 48.250.283 | 535.011.118 |
| Giảm khác (*) | - | (43.287.082) | (43.287.082) |
| Tại ngày 31/12/2013 | 1.117.041.443 | 166.661.298 | 1.283.702.741 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | 2.401.692.119 | 115.692.706 | 2.517.384.825 |
| Tại ngày 31/12/2013 | 3.407.871.284 | 65.655.500 | 3.473.526.784 |

(*) Trong năm, Công ty ghi giảm nguyên giá và khấu hao lũy kế các tài sản cố định hữu hình có nguyên giá dưới 30.000.000 đồng theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

a. Chi tiết vốn góp vào từng công ty liên kết:

| | 31/12/2013 (VND) | 01/01/2013 (VND) |
|--|------------------------|---------------------|
| Góp vốn vào Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang | 80.000.000.000 | - |
| Góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam | 80.000.000.000 | - |
| Cộng | 160.000.000.000 | - |

Trong năm 2013, Công ty đầu tư góp vốn vào hai công ty liên kết trên lần lượt theo các Quyết định số 18/QĐHĐQT ngày 16/09/2013 và Quyết định số 22/QĐHĐQT ngày 18/11/2013 của Hội đồng quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (Tiếp theo)

b. Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

| Tên công ty liên kết | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần % | Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ % | Hoạt động chính |
|--|---|--------------|----------------------------------|---------------------------------|
| Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang | Km 9, quốc lộ 5, xã Nam Sơn, An Dương, thành phố Hải Phòng | 40% | 40% | Kinh doanh ô tô và bất động sản |
| Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam | Phòng 8B, tầng 8, tòa nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng | 40% | 40% | Kinh doanh ô tô và bất động sản |

Cho đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính năm 2013 ngày 28/02/2014, Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2013 của các đơn vị được Công ty đầu tư vốn trên đây. Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, dựa trên tình hình hoạt động của các Công ty trên, các khoản đầu tư chưa bị giảm giá và chưa cần xem xét trích lập dự phòng giảm giá.

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

| | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|---|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Đầu tư vào Công ty TNHH Prukca International (*) | 33.427.347.386 | - |
| Đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần Thương mại Hưng Việt (**) | - | 260.824.447.934 |
| Cộng | 33.427.347.386 | 260.824.447.934 |

(*) Phản ánh phần vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH Prukca Việt Nam. Theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 ngày 02/01/2013 của Công ty TNHH Prukca Việt Nam, vốn Điều lệ của Công ty TNHH Prukca Việt Nam là 205.800.000.000 VND, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy góp chiếm 15% vốn điều lệ. Đến ngày 31/12/2013, hai bên liên doanh đang thảo luận để thay đổi tỷ lệ vốn góp của các bên trong liên doanh.

(**) Như đã nêu tại Thuyết minh số 7, khoản vốn góp đầu năm trị giá 260.824.447.934 đồng vào Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt đã được rút vốn một phần trong năm 2013 và chuyển sang trình bày tại khoản phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán (Mã số 135 trên Bảng cân đối kế toán - Chi tiết tại Thuyết minh số 7).

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|------------------------|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Dongfeng Motor Co, Ltd | 115.817.314.400 | 76.438.443.900 |
| Các đối tượng khác | 259.524.150 | 1.232.636.173 |
| Cộng | 116.076.838.550 | 77.671.080.073 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Prukca International (*) | 47.092.108.000 | 47.092.108.000 |
| Công ty TNHH Prukca Việt Nam (**) | 1.173.035.856 | - |
| Khoản phải trả khác | 151.912.000 | 151.912.000 |
| Cộng | 48.417.055.856 | 47.244.020.000 |

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 23 phần thuyết minh báo cáo tài chính, ngày 15/12/2010 Công ty TNHH Prukca International đã ứng trước 2.261.000 USD (trương đương với 47.092.108.000 VND tại ngày 31/12/2013) cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

(**) Trong năm 2013, Công ty TNHH Prukca Việt Nam đã chuyển cho Công ty 54.361.080.000 đồng để tiếp tục triển khai các công việc liên quan đến dự án. Tiếp đó, Công ty đã phát hành hóa đơn tài chính trị giá 53.188.044.144 VND cho Công ty TNHH Prukca Việt Nam để bàn giao chi phí thực hiện dự án.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

| Cổ phiếu | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|--|------------|------------|
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 38.249.948 | 22.499.981 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 38.249.948 | 22.499.981 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu quỹ | - | - |
| + Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 38.249.948 | 22.499.981 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 38.249.948 | 22.499.981 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu VND | Quỹ dự phòng tài chính VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|-----------------------------------|-------------------------------|--------------------------|-----------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------------------|
| Tại ngày 01/01/2012 | 100.000.000.000 | 14.336.000.000 | - | - | 185.954.539.915 | 300.290.539.915 |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu | 124.999.810.000 | - | - | - | (124.999.810.000) | - |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | 5.183.151.000 | (5.183.151.000) | - |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 69.891.536.467 | 69.891.536.467 |
| Giảm khác | - | - | - | - | (60.000) | (60.000) |
| Tại ngày 01/01/2013 | 224.999.810.000 | 14.336.000.000 | - | 5.183.151.000 | 125.663.055.382 | 370.182.016.382 |
| Tăng vốn trong năm (*) | 44.999.960.000 | - | - | - | - | 44.999.960.000 |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*) | 112.499.710.000 | - | - | - | (112.499.710.000) | - |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 82.049.842.747 | 82.049.842.747 |
| Trích quỹ bổ sung vốn điều lệ (*) | - | - | 3.494.600.000 | - | (3.494.600.000) | - |
| Giảm khác | - | (66.000.000) | - | - | - | (66.000.000) |
| Tại ngày 31/12/2013 | 382.499.480.000 | 14.270.000.000 | 3.494.600.000 | 5.183.151.000 | 91.718.588.129 | 497.165.819.129 |

(*) Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 05/02/2013 và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/02/2013, Đại hội thông qua phương án phân chia lợi nhuận như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

a. Phương án phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ:

Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 224.999.810.000 đồng lên 382.499.480.000 đồng theo hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành thêm 4.499.996 cổ phiếu như sau:

- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức: Công ty thực hiện việc phát hành 11.249.990 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện 2:1 (cổ đông sở hữu 02 cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ phiếu).

- Chào bán cổ phiếu: Công ty thực hiện việc chào bán 4.499.996 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền mua 5:1 (cổ đông sở hữu 05 cổ phiếu sẽ được quyền mua 01 cổ phiếu mới) với mệnh giá 10.000VND/cổ phiếu.

Các thủ tục tăng vốn đã hoàn thành ngày 10/06/2013, số cổ phiếu tăng thêm là 15.749.967 cổ phiếu, tương ứng 157.499.670.000 đồng.

b. Trích quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ là 5% từ lợi nhuận sau thuế năm 2012.

Vốn điều lệ

Đến ngày 31/12/2013, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn chủ sở hữu theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua từ 224.999.810.000 đồng lên 382.499.480.000 đồng.

Danh sách cổ đông tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

| | Vốn đã góp tại 31/12/2013 | | Vốn đã góp tại 01/01/2013 | |
|----------------|------------------------------|----------------|------------------------------|----------------|
| | VND | % | VND | % |
| Ông Đỗ Hữu Hạ | 182.250.000.000 | 47,65% | 121.500.000.000 | 54,00% |
| Ông Đỗ Hữu Hậu | 80.493.750.000 | 21,04% | 53.662.500.000 | 23,85% |
| Cổ đông khác | 119.755.730.000 | 31,31% | 49.837.310.000 | 22,15% |
| Cộng | 382.499.480.000 | 100,00% | 224.999.810.000 | 100,00% |

15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hoá cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho năm 2013 như sau:

| Chỉ tiêu | Miền Bắc VND | Miền Trung VND | Miền Nam VND | Cộng VND |
|--|-----------------|-------------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu thuần | | | | |
| - Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm | 170.292.563.162 | 216.880.545.444 | 109.640.594.542 | 496.813.703.148 |
| - Doanh thu khác | 2.136.034.749 | - | - | 2.136.034.749 |
| 2. Giá vốn | | | | |
| - Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán | 139.626.909.792 | 172.112.953.908 | 92.499.049.597 | 404.238.913.297 |
| - Giá vốn hoạt động khác | 1.774.449.512 | - | - | 1.774.449.512 |
| 3. Lợi nhuận gộp | | | | |
| - Bán hàng hóa, thành phẩm | 30.665.653.370 | 44.767.591.536 | 17.141.544.945 | 92.574.789.851 |
| - Hoạt động khác | 361.585.237 | - | - | 361.585.237 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh

Theo số liệu trình bày nêu trên, hoạt động thứ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ khác.

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2013 VND | Năm 2012 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Trong đó: | | |
| - Doanh thu bán hàng | 496.813.703.148 | 460.454.322.270 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 2.136.034.749 | 2.525.432.705 |
| Cộng | 498.949.737.897 | 462.979.754.975 |

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | Năm 2013 VND | Năm 2012 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán | 404.238.913.297 | 382.695.627.944 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 1.774.449.512 | 2.272.680.911 |
| Cộng | 406.013.362.809 | 384.968.308.855 |

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2013 VND | Năm 2012 VND |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 404.249.409.297 | 385.173.329.342 |
| Chi phí nhân công | 1.012.760.000 | 1.009.721.231 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 536.798.041 | 451.688.611 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8.187.272.271 | 5.313.781.087 |
| Chi phí khác | 216.484.921 | 30.598.665 |
| Cộng | 414.202.724.530 | 391.979.118.936 |

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2013 VND | Năm 2012 VND |
|--------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 809.701.598 | 191.540.400 |
| Lãi cho vay vốn | 476.437.500 | 135.545.928 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 179.605.150 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | 23.753.289 |
| Cộng | 1.465.744.248 | 350.839.617 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2013 | Năm 2012 |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | - | 1.060.160.320 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 3.376.720.081 | 216.481.460 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 462.660.039 | - |
| Cộng | 3.839.380.120 | 1.276.641.780 |

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

| | Năm 2013 | Năm 2012 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 82.371.377.495 | 69.895.286.467 |
| Hoạt động chính | 81.085.238.397 | 69.880.286.467 |
| Hoạt động khác | 1.286.139.098 | 15.000.000 |
| Thu nhập chịu thuế | 82.371.377.495 | 69.895.286.467 |
| Thuế suất thông thường | 25% | 25% |
| Thuế TNDN hoạt động chính | 20.271.309.599 | 17.470.071.617 |
| Thuế TNDN hoạt động khác | 321.534.748 | 3.750.000 |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 20.592.844.347 | 17.473.821.617 |
| Miễn thuế theo ưu đãi (*) | (20.271.309.599) | (17.470.071.617) |
| Chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 321.534.748 | 3.750.000 |

(*) Công ty áp dụng miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động kinh doanh chính theo điều kiện miễn giảm thuế cho "Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật" theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và các quy định hiện hành.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Trong năm, Công ty thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm như sau:

| | Năm 2013 | Năm 2012 |
|--|-------------------|------------------------|
| | VND | (Trình bày lại) VND |
| Cổ phiếu bình quân đã phát hành đầu năm | 22.499.981 | 22.499.981 |
| Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu | 11.249.971 | 11.249.971 |
| Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu tăng thêm | 2.521.976 | - |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành | 36.271.928 | 33.749.952 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm 2013 VND | Năm 2012 (Trình bày lại) VND |
|---|-----------------|------------------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 82.049.842.747 | 69.891.536.467 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 82.049.842.747 | 69.891.536.467 |
| Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 36.271.928 | 33.749.952 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 2.262 | 2.071 |

23. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN LIÊN DOANH VỚI CÔNG TY TNHH PRUKSA INTERNATIONAL

Ngày 10/08/2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Pruksa International thành lập Công ty TNHH Pruksa Việt Nam để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng.

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000342 ngày 12/07/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng; tổng mức Đầu tư của dự án là 949.573.000.000 đồng (trong đó, vốn tự có là 277.998.000.000 đồng, vốn vay và vốn tự huy động là 672.575.000.000 đồng); chứng chỉ quy hoạch số 143/CCQH ngày 25/10/2010 do Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng cấp, theo đó, diện tích đất dự kiến sử dụng là 21,15 ha.

Ngày 02 tháng 01 năm 2013, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 thành lập Công ty TNHH Pruksa Việt Nam. Theo đó, vốn Điều lệ của Công ty TNHH Pruksa Việt Nam là 205.800.000.000 VND (tương đương với 10.000.000 USD) trong đó Công ty TNHH Pruksa International góp 8.500.000 USD, chiếm 85% vốn điều lệ; Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy góp 1.500.000 USD, chiếm 15% vốn điều lệ.

Chi tiết thông tin tài chính liên quan đến dự án liên doanh, chi phí thực hiện và nguồn thực hiện đang được Công ty trình bày trên báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2013 của Công ty như sau:

| | 01/01/2013 VND | Phát sinh tăng VND | Phát sinh giảm (*) VND | 31/12/2013 VND |
|--|-------------------|-----------------------|---------------------------|-------------------|
| 1. Nhận giữ hộ vốn góp của đối tác trong liên doanh (Thuyết minh số 13) | 47.092.108.000 | - | - | 47.092.108.000 |
| 2. Chi phí dự án đã thực hiện và bàn giao trong năm 2013 (Thuyết minh số 07) | 53.543.006.041 | 30.596.709.219 | 81.452.930.240 | 2.686.785.020 |

(*) Chi tiết phát sinh giảm của Chi phí dự án trong năm 2013 như sau:

| | Số tiền chưa bao gồm thuế GTGT (VND) | Thuế GTGT (VND) | Cộng (VND) |
|--|---|----------------------|-----------------------|
| - Công ty Cổ phần ĐTDV Hoàng Huy góp vốn bằng chi phí dự án | 30.388.497.624 | 3.038.849.762 | 33.427.347.386 |
| - Công ty TNHH Pruksa International góp vốn bằng chi phí dự án | 51.064.432.616 | 2.123.611.528 | 53.188.044.144 |
| Cộng | 81.452.930.240 | 5.162.461.290 | 86.615.391.530 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Công ty không sử dụng vốn vay trong năm.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

| | Giá trị ghi sổ | |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 177.402.247.656 | 40.939.228.027 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 4.568.285.020 | 105.336.012.167 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 145.835.447.934 | - |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 193.427.347.386 | 260.824.447.934 |
| Các khoản ký quỹ | - | 2.006.669.445 |
| Tổng cộng | 521.233.327.996 | 409.106.357.573 |
| Công nợ tài chính | | |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 164.493.894.406 | 124.915.100.073 |
| Chi phí phải trả | 982.000.000 | 1.120.000.000 |
| Tổng cộng | 165.475.894.406 | 126.035.100.073 |

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

| | Dưới 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND |
| 31/12/2013 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 177.402.247.656 | - | 177.402.247.656 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 4.568.285.020 | - | 4.568.285.020 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 145.835.447.934 | - | 145.835.447.934 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | - | 193.427.347.386 | 193.427.347.386 |
| Tổng cộng | 327.805.980.610 | 193.427.347.386 | 521.233.327.996 |
| 31/12/2013 | | | |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 164.493.894.406 | - | 164.493.894.406 |
| Tổng cộng | 164.493.894.406 | - | 164.493.894.406 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 163.312.086.204 | 193.427.347.386 | 356.739.433.590 |

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|--|
| Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy | Công ty cùng chịu sự kiểm soát của các cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt | Công ty cùng chịu sự kiểm soát của các cổ đông lớn |
| Công ty TNHH Dongfeng Motors Engineering | Nhà cung cấp lớn |
| Công ty TNHH Pruksa Việt Nam | Công ty nhận vốn góp liên doanh |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

| | Năm 2013 | Năm 2012 |
|---|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy | | |
| Mua hàng hoá, dịch vụ | 53.795.895.099 | 34.707.789.514 |
| Thu nhập từ lãi cho vay | 185.500.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt | | |
| Thu nhập từ lãi cho vay | 290.937.500 | 135.545.928 |
| Công ty TNHH Dongfeng Motors Engineering | | |
| Mua hàng hoá, dịch vụ | 324.702.334.816 | 247.223.040.956 |
| Công ty TNHH Pruksa Việt Nam | | |
| Góp vốn bằng chi phí dự án | 33.427.347.386 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

| | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|---|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Dongfeng Motors Engineering | | |
| Phải trả thương mại | 115.817.314.400 | 76.444.109.189 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy | | |
| Phải trả thương mại | - | 8.704.379.396 |
| Ứng trước tiền mua hàng | 23.303.484.297 | |
| Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt | | |
| Phải thu khác | 145.835.447.934 | - |
| Đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh | - | 260.824.447.934 |
| Công ty TNHH Prukca Việt Nam | | |
| Khoản đầu tư khác - góp vốn liên doanh | 33.427.347.386 | - |

Thu nhập Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị được hưởng trong năm như sau:

| | Năm 2013 | Năm 2012 |
|--|-------------|-------------|
| | VND | VND |
| Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác | 330.180.000 | 312.408.000 |

26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN


Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán.



Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2014